

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:210/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số 184 đường H, phường H, thành phố B.

Bị đơn:

+ Ông Trần Văn T, sinh năm 1962.

+ Bà Vũ Thị B, sinh năm 1962.

Đều địa chỉ: Số 118 đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Vũ Thị B và ông Trần Văn T phải trả bà Nguyễn Thị M số tiền 21.375.000.000đ (Hai mươi một tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) (Trong đó: tiền nợ gốc là 9.500.000.000 đồng; Tiền nợ lãi là 11.875.000.000 đồng) theo thoả thuận tại Giấy vay nợ ngày 20/10/2009.

- Phương án trả nợ như sau:

+ Ngày 20/4/2020 Dương lịch: Ông T, bà B phải trả bà Mai số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) nợ gốc.

+ Ngày 20/10/2020 Dương lịch: Ông T, bà B phải trả bà Mai số tiền 9.000.000.000đ (Chín tỷ đồng) nợ gốc và số tiền lãi là 11.875.000.000đ (Mười một tỷ, tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Trường hợp Ông T, bà B vi phạm bất kỳ một phân kỳ trả nợ nào ở trên thì bà Mai có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thi hành án theo quy định của pháp luật để thu hồi toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi mà Ông T, bà B chưa thanh toán.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Bà Mai phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm là 32.343.750đ (Ba mươi hai triệu, ba trăm bốn ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) nhưng được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Bà B, Ông T phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm là 32.343.750đ (Ba mươi hai triệu, ba trăm bốn ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Hải Hương